TAND HUYỆN TIÊN LỮ **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.** ----------

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 17/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiển
2. Bà Vũ Thị Toan

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương, Thư ký toà án nhân dân huyện Tiên Lữ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994

HKTT: Thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Không; con bà Nguyễn Thị V (đã chết); vợ Nguyễn Thị T, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2018, tạm giam từ ngày 22/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2.Trương Công P, sinh năm 1996

Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam, trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trương Công H và bà Trương Thị B (đã chết); vợ, con: chưa có.

Tiền án: Ngày 12/10/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn là 24 tháng.

Biện pháp ngăn chặn: Bị can bị tạm giữ từ ngày 19/12/2018, tạm giam từ ngày 22/12/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên.

*Người bị hại: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1992.

Chị Dương Thị H, sinh năm 1992

Đều cùng địa chỉ: Số 8 ngõ 38, phường X, quận T, thành phố Hà Nội

Chị Đào Thị H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tiểu Khu 2, Khu phố 3, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

(*Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên toà*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03/12/2018, Nguyễn Văn Đ nảy sinh ý định dùng điện thoại gọi điện đến các số thuê bao bất kỳ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đ dùng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 gắn số thuê bao 0866049523 của Đ gọi vào số thuê bao 0343483308 của chị Phạm Thị T thì chị T nghe máy. Lúc này, Đ tự xưng là nhân viên của Ngân hàng Vietcombank và thông báo cho chị T biết chị đã trúng thưởng giải nhì trong chương trình bốc thăm may mắn nhân dịp kỷ niệm 35 năm thành lập ngân hàng Vietcombank với phần quà là 01 sổ tiết kiệm trị giá 250.000.000 đồng và 01 xe máy trị giá 42.000.000 đồng. Để chị T tin tưởng, Đ đã yêu cầu chị Tcung cấp thông tin cá nhân và chuyển cho Đ số tiền 500.000 đồng bằng hình thức mua thẻ cào điện thoại rồi đọc mã thẻ cào cho Đ để kích hoạt hồ sơ trúng thưởng. Khi nghe thấy Đ nói như vậy thì chị T tin là thật nên đã đến một cửa hàng bán thẻ điện thoại ở thị trấn V, huyện T mua 05 thẻ cào điện thoại mệnh giá 100.000 đồng, sau đó gọi điện lại và đọc mã thẻ cào cho Đ. Thấy chị T tin tưởng nên Đ tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu chị T chuyển 10.500.000 đồng để làm thủ tục đăng ký xe máy, 15.000.000 đồng tiền phí an ninh và 10.000.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng, tất cả đều bằng hình thức mua thẻ cào điện thoại rồi đọc mã thẻ cào cho Đ. Chị T tiếp tục vào một cửa hàng bán thẻ điện thoại ở thị trấn V, huyện T mua tổng số 35.500.000 đồng thẻ cào điện thoại gồm nhiều mệnh giá khác nhau, sau đó gọi điện và đọc mã thẻ cào cho Đ.

Khoảng 07 giờ ngày 04/12/2018, Đ tiếp tục gọi điện thoại cho chị T thông báo với chị T về việc chị đã trúng thưởng thẻ vàng, tăng phần thưởng lên 300.000.000 đồng và yêu cầu chị T chuyển 30.000.000 đồng để làm thủ tục lĩnh thẻ

vàng. Chị T tin tưởng nên đến một cửa hàng bán thẻ điện thoại tại thị trấn V, huyện V mua 30.000.000 đồng thẻ cào điện thoại sau đó gọi điện và đọc mã thẻ cào cho Đ như những lần trước đó. Sau khi nhận được các mã thẻ cào điện thoại, Đ nạp toàn bộ số thẻ cào trên vào tài khoản game online của Đ (Đ không nhớ tài khoản như thế nào). Một lúc sau, Đ gọi điện thoại cho Trương Công P hỏi *"Có nhà không tao xuống có tí việc"* thì P trả lời là *"có"*. Lúc này, Đ gọi điện cho anh Nguyễn Văn G bảo chở Đ đến nhà P thì anh G đồng ý. Khi đến nơi anh G đỗ xe ở cổng nhà P và ngồi đợi trong xe còn Đ đi vào trong nhà thì gặp P và Nguyễn Văn N đang ngồi chơi với nhau. Đ nói với P và N: *"Lên xe đi có việc tí"* thì P và N đồng ý đi lên xe ô tô của G cùng Đ. Đ bảo anh G điều khiển xe theo hướng về thị xã K. Anh G điều khiển xe đi được khoảng 200m thì Đ bảo dừng xe lại, Đ và P xuống xe đi vào một ngõ nhỏ ven đường cách xe ô tô khoảng 20m thì N cũng đi theo, còn anh G ngồi đợi trong xe ô tô. Tại đây, Đ kể lại nội dung việc lừa đảo chị T qua điện thoại cho P nghe, Đ nói với P giả danh là tổng giám đốc ngân hàng Vietcombank để nói chuyện và cùng tham gia lừa đảo chị T với Đ thì P đồng ý. Đ lấy điện thoại của mình gọi cho chị T yêu cầu chuyển 30.000.000 đồng để làm thủ tục quay phim, chụp ảnh nhận thưởng và giới thiệu chị T nói chuyện với P để tạo lòng tin thì chị T tin tưởng đồng ý chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho Đ và P. Lúc này, Đ và P bàn bạc với nhau sẽ chuyển số tiền 30.000.000 đồng trên vào tài khoản Game online để cùng nhau chơi. P dùng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh đen có gắn số thuê bao 0355470110 của P gọi vào số thuê bao 0961378386 của anh Đào Văn Đ, sinh năm 1992, ở phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Lúc này P nói với anh Đ: *"Anh cho em xin số tài khoản, một lúc nữa có người chuyển tiền vào tài khoản thì anh nạp hết vào nick game cho em"* thì anh Đ đồng ý và nhắn tin số tài khoản 020046960999 tại ngân hàng Sacombank cho P. Sau khi lấy được số tài khoản, P dùng điện thoại của Đ gọi cho chị T yêu cầu chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ. Chị T ra Hệ thống Viettel Store ở thị trấn V, tỉnh Hưng Yên chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của anh Đ theo yêu cầu của Đ và P. Một lúc sau P đi ra chỗ anh G mượn điện thoại của anh G để đăng nhập vào tài khoản game online của P kiểm tra thì thấy được cộng 34.000.000 go (đơn vị tiền tệ trong game online). Khi thấy tài khoản game được cộng tiền P liền mua một món đồ trong game hết 3.000.000 go rồi quay lại chỗ Đ và N. Lúc này, Đ nói P không mua đồ trong game nữa mà để chuyển thành tiền mặt cùng nhau tiêu sài. Thấy vậy, P hỏi Đ và N: *"Có tài khoản ngân hàng không"* thì Đ và N trả lời *"không"*. Sau đó, Đ đi ra xe ô tô hỏi mượn anh G tài khoản ngân hàng để chuyển tiền từ game vào thì anh G đồng ý và đọc số tài khoản 0201000654967 tại ngân hàng Vietcombank cho P. Lúc này, P lấy điện thoại của mình gọi lại cho anh Đ nói sẽ bán lại số tiền trong tài khoản game của P cho anh Đ thì anh Đ đồng ý và đọc tài khoản game của mình cho P để P chuyển 31.000.000 go từ tài khoản game của P sang tài khoản game của anh Đ. Sau khi chuyển 31.000.000 go vào tài khoản game của anh Đ thì P bảo anh Đ chuyển tiền vào tài khoản 0201000654967, anh Đ đồng ý và chuyển số tiền 24.800.000 đồng tài

khoản 0201000654967 cho P. Sau đó anh G chở Đ, P và N đến một điểm rút tiền tự động tại thị xã K để anh G vào rút tiền. Sau khi rút được số tiền 24.800.000 đồng, anh G đưa toàn bộ số tiền trên cho Đ, Đ cầm tiền nói với P: *"Mày có công"* rồi lấy 2.000.000 đồng đưa cho P, Đ tiếp tục đưa cho N 1.000.000 đồng rồi nói: *"Cho mày*" và đưa cho anh G 1.000.000 đồng trả tiền thuê xe đi lại. Sau đó tất cả cùng đi ăn uống tại một quán ăn ở thị xã K hết 1.000.000 đồng.

Sau khi ăn uống xong, anh G điều khiển xe ô tô chở Đ, P và N về xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Trên đường về, Đ tiếp tục dùng điện thoại của mình gọi cho chị T yêu cầu chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ để làm các thủ tục xác nhận tại xã phường thì chị T tin tưởng nên tiếp tục đi ra Hệ thống Viettel Store ở thị trấn V chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của anh Đ theo yêu cầu của Đ. Sau đó Đ lấy điện thoại của P gọi bảo anh Đ: *"Nếu có người chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản thì anh chuyển hết vào tài khoản game cho em"*. Một lúc sau, P đăng nhập vào tài khoản game nhưng không thấy được cộng tiền nên gọi lại cho anh Đ. Vì thấy việc chuyển tiền của Đ và P có nhiều điểm đáng nghi nên anh Đ đã yêu cầu P chụp hóa đơn chuyển tiền gửi cho anh Đ thì mới nạp tiền tài khoản game cho P. Thấy anh Đ nói vậy, P lấy điện thoại của Đ gọi cho chị T yêu cầu chị T chụp hóa đơn chuyển tiền gửi cho P thì chị T đồng ý và làm theo yêu cầu của P. P chuyển ảnh chụp hóa đơn chuyển tiền cho anh Đ nhưng vẫn không thấy tài khoản game được cộng tiền nên P dùng điện thoại của mình gọi lại cho anh Đ thì anh Đ nói họ tên người gửi không chính xác và yêu cầu P chuyển thêm 1.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đ, ghi đầy đủ thông tin người gửi, số điện thoại và chụp lại phiếu chuyển tiền gửi cho anh Đ. Thấy vậy, P lấy điện thoại của Đ gọi cho chị T yêu cầu chị T chuyển thêm 1.000.000 đồng và làm theo yêu cầu của anh Đ thì chị T đồng ý. P gửi ảnh chụp phiếu chuyển số tiền 1.000.000 đồng cho anh Đ nhưng kiểm tra vẫn không thấy tài khoản game được cộng tiền nên gọi điện lại cho anh Đ nhiều lần thì anh Đ nghe máy và nói: *"Chúng mày lừa đảo tiền nên tao không chuyển tiền vào tài khoản game nữa"*. P nghe anh Đ nói như vậy nên nói lại cho Đ biết. Sau đó anh G chở P, N đến một quán internet tại xã K rồi chở Đ về nhà. Trên đường về, Đ tiếp tục đưa cho anh G số tiền 800.000 đồng để trả tiền thuê xe. Số tiền 19.000.000 đồng còn lại Đ đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi biết sự việc, anh Đ gọi điện cho chị T nói cho chị T biết đã bị Đ và P lừa đảo và chuyển lại số tiền 31.000.000 đồng cho chị T. Quá trình Đ và P thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T thì N điều biết rõ nhưng không có hành động gì ngăn cản Đ và P thực hiện hành vi phạm tội. Tối ngày 04/12/2019, P dùng điện thoại của mình gọi cho chị T hỏi về việc bị lừa đảo như thế nào. Sau khi nghe chị T nói lại việc bị lừa đảo thì P nói: *"Nếu muốn nhận lại tiền thì chuyển cho tôi 2.300.000 đồng*" nhưng chị T không tin nên không chuyển tiền cho P.

Ngày 13/12/2018, chị T làm đơn gửi Công an huyện T đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Đến ngày 17/12/2018, Đ và P đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã làm việc với ngân hàng Vietcombank Việt Nam, kết quả xác định: Trong năm 2018, ngân hàng Vietcombank Việt Nam không tổ chức chương trình kỷ niệm 35 năm thành lập với cơ cấu giải thưởng trong đó có giải nhì là 01 sổ tiết kiệm trị giá 250.000.000 đồng và 01 xe máy trị giá 42.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã thu giữ và quản lý của P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh đen, đã qua sử dụng, số imei: 358610060628736, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại mạng Viettel có số seri: 8987-0480-0000-0657-383.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 26/12/2018, chị Nguyễn Thị T là vợ của Đ đã bồi thường số tiền 96.000.000 đồng cho chị T. Chị T đã nhận đủ số tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ, không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Chị T không yêu cầu Đ phải trả lại số tiền chị đã bồi thường thay cho Đ.

Đối với chiếc điện thoại Đ dùng liên lạc để với chị Thúy, sau khi sự việc xảy ra Đ đã ném xuống sông cạnh nhà. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Quá trình điều tra xác định: Số thuê bao 0866049523 chủ sở hữu mang tên Nguyễn Văn Đ; số thuê bao 0343483308 chủ sở hữu mang tên chị Phạm Thị T; số thuê bao 00961378386 chủ sở hữu mang tên anh Đào Văn Đ. Đối với số thuê bao 0355470110 chủ sở hữu mang tên Đào Văn T, sinh năm 1988, ở xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tháng 5/2018, anh T đã cho P để sử dụng, anh T không biết P sử dụng số thuê bao trên vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với tài khoản 020046960999 tại ngân hàng Sacombank, quá trình điều tra xác định chủ tài khoản là chị Dương Thị H là vợ của anh Đ; Đối với tài khoản 0201000654967 tại ngân hàng Vietcombank, quá trình điều tra xác định là của chị Đào Thị H là bạn gái của anh G. Chị H và chị H đều không biết anh Đ và anh G sử dụng tài khoản ngân hàng để chuyển tiền giúp các bị cáo, không liên quan gì đến nội dung sự việc.

Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Đ từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52, điều 58 BLHS xử phạt bị cáo P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu cho phát mại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại Viettel có số seri 8987-0480-0000-0657-383 thu giữ của P.

Bị cáo Đ, P nói lời sau cùng, đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp P.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan … Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03 và 04/12/2018, Nguyễn Văn Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng điện thoại di động gọi điện cho chị Phạm Thị T tự xưng là nhân viên của ngân hàng Vietcombank, thông báo chị T đã trúng thưởng trong chương trình quay số may mắn kỉ niệm 35 năm thành lập ngân hàng Vietcombank, với giải thưởng là 01 sổ tiết kiệm trị giá 250.000.000 đồng và 01 xe máy trị giá 42.000.000 đồng. Đ nhiều lần gọi điện yêu cầu chị T chuyển tiền để làm các thủ tục nhận thưởng, chị T tin tưởng là thật nên đã chuyển nhiều lần với tổng số tiền 66.000.000 đồng cho Đ qua hình thức mua và gửi mã thẻ cào điện thoại.

Sáng ngày 04/12/2018, Đ còn rủ Trương Công P giả danh là Tổng giám đốc ngân hàng Vietcombank để cùng tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T với Đ. Cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên, Đ và P đã nhiều lần gọi điện yêu cầu chị T chuyển tiền để làm các thủ tục nhận thưởng, chị T tin tưởng là thật nên đã chuyển tổng số tiền 61.000.000 đồng cho Đ và P qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 như cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do không có công việc, nghề nghiệp, lười lao động nên vẫn nhiều lần thực hiện hành vi phạm

tội nên cần phải xử phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Do vụ án có nhiều đối tượng tham gia với tính chất đồng phạm đơn giản nên việc đánh giá tính chất và mức độ tham gia phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt là cần thiết. Trước hết, bị cáo Nguyễn Văn Đ là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê bị cáo khác và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, được hưởng lợi nhiều nhất từ số tiền chiếm đoạt được nên bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự với mức cao nhất. Bị cáo Trương Công P đồng phạm với vai trò người thực hành tích cực nên giữ vai trò thứ hai.

Về nhân thân: Bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo P có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính và bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Cả hai bị cáo Đ và P nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị T, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội từ hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo P đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý, chưa được xoá án tích nhưng lại phạm tội do cố ý nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng TNHS tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội cả hai bị cáo đã đến Công an huyện T đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ nên cả hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo Đ đã tác động để gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy phải áp dụng mức hình phạt thích đáng đối với các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đáp ứng nhu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện T tại phiên tòa hôm nay.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Theo cung cấp của chính quyền địa phương, gia đình và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại Viettel có số seri 8987-0480-0000-0657-383 thu giữ của P là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 26/12/2018, chị Nguyễn Thị T là vợ của bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 96.000.000 đồng cho chị T. Chị T nhận đủ số tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ, không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Chị T không yêu cầu Đ phải trả lại số tiền chị đã bồi thường thay cho Đ nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền Đ đã đưa cho N, P và số tiền Đ trả tiền thuê xe của anh G, tiền ăn uống từ số tiền chiếm đoạt được của chị T, Đ tự nguyện không yêu cầu N và P hoàn trả. Xét sự tự nguyện này của bị cáo không trái P luật nên được HĐXX ghi nhận.

Đối với Nguyễn Văn N: Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định N biết rõ các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt số tiền 61.000.000 đồng của chị T và được hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng từ hành vi phạm tội của các bị can. Tuy N không có hành động giúp sức về vật chất và tinh thần cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bản thân N biết rõ hành vi của các bị can là vi phạm quy định của pháp luật, N không can ngăn, không trình báo sự việc đến các cơ quan chức năng. Hành vi của N có dấu hiệu của tội Không tố giác tội phạm, quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự. Hành vi của N diễn ra trên địa bàn huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, ngày 04/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tách và đã chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn G: Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định anh G không biết việc các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T; không biết mục đích thuê xe ô tô và không biết việc mượn tài khoản ngân hàng để chuyển tiền của các bị cáo với nội dung là gì, số tiền 1.800.000 đồng Đ đưa cho anh G là để trả tiền thuê xe đi lại. Vì vậy anh G không đồng phạm với các bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

Đối với anh Đào Văn Đ: Tài liệu điều tra đến nay xác định anh Đ là người bán thẻ game và chơi game trên mạng internet và có quen P. Trước đó anh Đ không biết việc các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T. Sau khi biết được hành vi lừa đảo của các bị cáo thì anh Đ đã chuyển toàn bộ số tiền nhận được trả chị T. Vì vậy anh Đ không đồng phạm với các bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo và xử lý vật chứng trong vụ án là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ vào các Điều 45, 46, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trương Công P

2.Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trương Công P đều phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

3.Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2018.

Xử phạt bị cáo Trương Công P 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Trương Công P, Nguyễn Văn N phải hoàn trả số tiền đã được hưởng lợi từ việc chiếm đoạt tài sản.

5. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu cho phát mại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại Viettel có số seri 8987-0480-0000-0657-383 thu giữ của P.

(*Tình trạng số lượng vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng ngày 11/6/2019 giữa cơ quan Công an và Chi cục THADS T)*

6.Về án phí: Bị cáo Đ và P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Các bị cáo;
-Bị hại;
-Người có QL&NVLQ;
- Lưu toà án.